TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2023/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 12 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Lê Thị Q – Sinh năm: 1991

Nơi đăng ký HKTT: Thôn ĐT, xã TT, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Khu phố PS, thị trấn KT, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

2. Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1987

Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn ĐT, xã TT, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK (Nay là thị trấn KT), huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/03/2010. Vợ, chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay anh T và chị Q đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 31/01/2014 và cháu Nguyễn Phương T2, sinh ngày 11/7/2017. Ly hôn anh T, chị Q thống nhất, thỏa thuận giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T2 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Q thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí, lệ phí Toà án: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Q thống nhất, thỏa thuận chị Q sẽ chịu T bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Q thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Q thống nhất, thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 31/01/2014 và cháu Nguyễn Phương T2, sinh ngày 11/7/2017. Ly hôn giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T2 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Q thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Q thống nhất, thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: AA/2021/0008005 ngày 03/4/2023. Chị Lê Thị Q đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND thị trấn KT;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Quân